

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Bản án số: 22/2018/HC-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2018

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về việc thu hồi đất*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Mộc
2. Bà Lê Thị Chinh

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2018 và 30/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLST-HC ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Lx, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Khắc H; địa chỉ: Số x, đường H, Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Thanh T, Văn phòng Luật sư T – Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ: Số X, đường H, Khu phố X, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017) (có mặt).

Người bị kiện: UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ trụ sở: xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Diệp Minh X – Phó Chủ tịch UBND huyện T (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017) (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Vũ Văn Q – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị C; địa chỉ: Thôn Vx, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).
2. Bà Trịnh Thị B; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).
3. Ông Nguyễn Văn D; Thôn Lx, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2017 của bà Trần Thị H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Khắc H trình bày:

Ngày 25/7/2003, bà H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1938 (đã chết) ở xã P một thửa đất không đo đạc, chỉ xác định đông tây tứ cận và ước tính 05 sào. Nay, được xác định một phần tại thửa số 138, tờ bản đồ số 13 xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Có làm giấy viết tay sang nhượng quyền sử dụng đất, ghi rõ đông tây tứ cận như sau:

- Đông giáp đất ông Trần M (đã chết) nay là đất của ông Trần Văn C con ruột ông Trần M.
- Tây giáp đất ông Năm C (Báo D – đã chết) nay là đất của bà Thị C con gái ông C.
- Nam giáp đường mòn (đất ông Năm B – đã chết) nay là đất ông Nguyễn Văn D con trai ông Năm B (Nguyễn C).
- Bắc giáp đất ông Trịnh Văn B (đã chết) nay là đất của ông Trịnh Văn B, con trai ông B.

Trong năm 2005 và năm 2016 bà H hai lần nhận sang nhượng đất của bà Thị C khoảng 4 sào (không đo đạc) có lập giấy viết tay. Đất của bà Thị C là do ông Báo D (Năm C) cha ruột bà C cho bà. Trên đất có nhà và một số cây ăn trái.

Năm 2007, bà H làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất mua của ông C và bà C. Kèm theo đơn bà H đã cung cấp giấy tờ mua bán đất cho cán bộ địa chính xã P (cũ). Xã nêu nhiều lý do, trong đó có lý do tách xã P thành hai xã C và P nên cho đến cuối năm 2012 thì UBND xã mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đo đạc thực tế hiện trạng thì xác định tổng diện tích đất bà H sang nhượng của ông C và bà C

12.807m² và đến năm 2016 bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 442950. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đã làm đúng trình tự, thủ tục có xác nhận từ cán bộ thôn đến huyện. Trong quá trình chuyển nhượng, sử dụng và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà không có ai tranh chấp, khiếu kiện.

Đến ngày 02/7/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 240/QĐ-UBND thu hồi của bà H một phần diện tích 7.729m² trong 12.807m² đã cấp cho bà H để giao cho UBND xã C quản lý. Lý do thu hồi đất là do cán bộ xã C “giả mạo trong công tác...”

Việc bà H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hai hộ nêu trên là có giấy tờ viết tay sang nhượng rõ ràng, bà H cung cấp cho cán bộ địa chính xã mà trực tiếp là ông Nguyễn Ngọc A nhận giấy tờ của bà từ năm 2007. Việc ông Phan Ngọc A làm thất lạc hồ sơ sang nhượng đất của bà H là do lỗi của cán bộ địa chính xã hoàn toàn không phải do lỗi bà H. Diện tích đất sang nhượng tuy chỉ ước chừng 05 sào, 04 sào tuy không đo đạc cụ thể nhưng trong giấy chứng nhận cũng ghi rõ đông tây tứ cận giáp với các hộ liền kề. Bà H đã san ủi, cải tạo xây bờ thành làm ranh giới mở rộng thêm và được các hộ liền kề xác nhận, bà H xây dựng tường rào và xây dựng các công trình: Nhà ở tạm, lò cá hấp sử dụng từ trước đến nay không lấn chiếm, không tranh chấp.

Bà H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy bỏ toàn bộ Quyết định 240/QĐ-UBND ngày 02/7/2017 của UBND huyện T và công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất 12.807m² cho bà Trần Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 442950 ngày 19/7/2016.

Đại diện theo pháp luật của UBND huyện T ông Diệp Minh X trình bày:

Liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất tại khu vực bãi rác xã C, Chủ tịch UBND huyện T đã thành lập Đoàn Thanh tra và ban hành Kết luận số 02/KL-UBND ngày 30/5/2017; Công an huyện T tiến hành điều tra và ban hành kết luận số 22/KLĐT ngày 18/10/2017. Trên cơ sở kết luận điều tra, UBND huyện T ban hành Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 442950 ngày 19/7/2016 cấp cho bà Trần Thị H. Quyết định 240/QĐ-UBND ngày 02/7/2017 của UBND huyện T về việc thu hồi đất do bà Trần Thị H đang sử dụng để giao cho UBND xã C quản lý.

Việc ban hành quyết định thu hồi đất được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Do vậy, UBND huyện T không đồng ý hủy Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 02/7/2017.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T trình bày lý do thu hồi đất của bà H là căn cứ Điều 64 Luật đất đai năm 2013 vì

bà H có hành vi lấn đất do UBND xã C quản lý, đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, hủy toàn bộ Quyết định 240/QĐ-UBND ngày 02/7/2017 của UBND huyện T.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính bị khởi kiện. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Diệp Minh X đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Tại buổi tuyên án lúc 14 giờ ngày 07/9/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Trần Thanh T vắng mặt không có lý do, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T ông Vũ Văn Q có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 5 Điều 191, Điều 195 Hội đồng xét xử tuyên án vắng mặt ông Vũ Văn Q và Luật sư Trần Thanh T.

Ngày 02/11/2017, UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định 240/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.729m² đất do bà Trần Thị H đang sử dụng tại xã C để giao cho UBND xã C quản lý.

Quyết định 240/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.729m² đất của bà Trần Thị H là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Bà Trần Thị H cho rằng Quyết định số 240/QĐ-UBND là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà;

Ngày 26/12/2017, bà Trần Thị H trực tiếp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu hủy Quyết định 240/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND huyện T, là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tính hợp pháp và có căn cứ về thẩm quyền của Quyết định hành chính số 240/QĐ-UBND:

UBND huyện Thuận Nam thu hồi đất của bà Trần Thị Hiếu bằng một quyết định hành chính của UBND huyện là đúng về mặt hình thức và thẩm quyền thu hồi theo quy định định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai 2013.

Khoản 2 Điều 66 Luật đất đai quy định về thẩm quyền thu hồi đất

“2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ”

Do vậy UBND huyện T ban hành Quyết định 240/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền thu hồi đất.

[2.2] Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức của Quyết định hành chính số 240/QĐ-UBND:

UBND huyện T ghi lý do thu hồi đất: Theo Kết luận số 02/KL-UBND ngày 30/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về thanh tra toàn diện đối với việc quản lý sử dụng diện tích đất khu vực bãi rác C; Kết luận số 22/KLĐT ngày 18/10/2017 của Công an huyện T về điều tra dấu hiệu tội phạm quy định tại điều 281 “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và Điều 284 “Giả mạo trong công tác” của Bộ luật hình sự năm 1999. Quyết định 240/QĐ-UBND của UBND huyện T không viện dẫn căn cứ cụ thể về hành vi vi phạm của bà Trần Thị H theo điểm khoản điều nào của luật đất đai để làm căn cứ thu hồi đất là không đúng quy định của pháp luật.

Số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H là thửa 138, tờ bản đồ số 13 xã C nhưng Quyết định 240/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Trần Thị H là thửa đất 128 là không đúng số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện T cấp cho bà H.

[2.3] Tính hợp pháp và có căn cứ về trình tự thủ tục của Quyết định hành chính số 240/QĐ-UBND:

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai “4. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai được thực hiện như

sau:

b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan thanh tra cùng cấp thẩm tra; nếu kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp”.

Tuy nhiên, trước khi ban hành Quyết định 240/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà H, UBND huyện T đã không thông báo cho bà H biết Kết luận thanh tra số 02/KL-UBND ngày 30/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện T đề bà H thực hiện quyền khiếu nại của mình là vi phạm nghiêm trọng đến quyền khiếu nại của bà Trần Thị H.

[2.4] Tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung Quyết định hành chính số 240/QĐ-UBND:

Xét nguồn gốc thửa đất 138 của bà Trần Thị H nhận thấy:

Theo bà Trần Thị H trình bày: Ngày 25/7/2003 bà H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1938 (đã chết) ở xã P một thửa đất kh ông đo đạc, chỉ xác định đông tay tứ cận và ước tính 05 sào. Nay được xác định một phần tại thửa số 138, tờ bản đồ số 13 xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Có làm giấy viết tay sang nhượng thửa quyền sử dụng đất, ghi rõ đông tây tứ cận.

Trong năm 2005 và năm 2016 bà H hai lần nhận sang nhượng đất của bà Thị C khoảng 04 sào (không đo đạc) có lập giấy viết tay. Đất của Thị C là do ông Báo D (Năm C) cha ruột bà C cho bà. Trên đất có nhà và một số cây ăn trái.

Năm 2007, bà H làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất mua của ông C và bà C. Kèm theo đơn bà H đã cung cấp giấy tờ mua bán đất cho cán bộ địa chính xã P (cũ) là ông Phan Ngọc A xác nhận. Sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đo đạc thực tế hiện trạng thì xác định tổng diện tích đất bà H sang nhượng cho ông C và bà C là 12.807m².

Ngày 08/01/2013, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 574966 cho bà H, nhưng đến năm 2006 UBND huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H. Lý do thu hồi do xác định không đúng vị trí thửa đất và đến ngày 19/7/2016 bà H được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 442950. Lời trình bày của bà Trần Thị H phù hợp với kết quả xác minh của Cơ quan thanh tra huyện T về nguồn gốc sử dụng đất đúng là bà H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn C và bà Thị C. Tuy nhiên Cơ quan thanh tra huyện và Cơ quan điều tra Công an huyện T xác định diện tích chuyển nhượng tại giấy viết tay ngày 25/7/2003 có việc sửa chữa diện tích 05 sào (5000m²) thành 15.000m² (Kết luận giám định số 57/KLGĐ ngày

07/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Thuận), nhưng việc sửa chữa này do ai sửa chữa Cơ quan điều tra Công an huyện T không xác định được, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H hiện bị thất lạc nên cơ quan Công an huyện T đã kết luận không khởi tố vụ án hình sự đối với kiến nghị của UBND huyện T.

Do xác định giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/7/2003 giữa bà H và ông C bị sửa chữa để tăng diện tích từ 5000m² lên 15.000m² do đó UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H diện tích 12.807m² là không đúng. Theo đó UBND huyện T ban hành Quyết định 240/QĐ-UBND thu hồi 7.729m² đất thuộc thửa 128, tờ bản đồ số 13 xã C của bà H là không đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Kết quả thanh tra cũng như kết quả điều tra của Cơ quan Công an huyện T xác nhận giữa bà H có nhận chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn C và nhận chuyển nhượng đất của bà Thị C. Khi nhận chuyển nhượng đất các bên chỉ ước chừng khoảng 9000m² nhưng thực tế khi trích lục làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Phòng Tài nguyên Môi trường huyện T thực hiện thì diện tích là 12.807m². Mặt khác, khi nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn C và bà Thị C thì xung quanh tứ cận đều có đất của những hộ dân khác và sau khi nhận chuyển nhượng đất thì bà H san ủi, xây dựng tường rào đất của mình nhưng không có ai tranh chấp và bà Hiếu đã sử dụng ổn định cho tới nay.

Khi tiếp nhận Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã C chuyển đến thì bà Cao Thị N là cán bộ phòng Tài nguyên Môi trường huyện T trực tiếp thẩm định và đã phát hiện có việc sửa chữa tăng diện tích và cũng đã yêu cầu UBND xã C giải trình việc sửa chữa diện tích tăng theo giấy chuyển nhượng ngày 25/7/2003 (bút lục 157). Sau khi có giải trình của xã thì UBND huyện mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H (hiện nay hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H không còn). Theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai năm 2003 thì trường hợp đất của bà H thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 “2. Việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai phải căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai”. Quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay UBND huyện T không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh là bà H có hành vi lấn chiếm đất do UBND xã C quản lý như biên bản vi phạm về hành vi lấn đất hoặc quyết định xử lý vi phạm hành chính về hành vi lấn đất theo quy định tại Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Vì vậy, việc UBND huyện T thu hồi đất của bà H với lý do lấn đất do UBND xã C quản lý là không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra trong quá trình sử dụng đất ngày 30/12/2014 UBND huyện T ban hành Quyết định số 2135/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà H khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án đường dây 220KV nhà máy điện Vĩnh

Tân – Tháp Chàm (đoạn điều chỉnh tuyến đi qua xã C, huyện T) tổng số tiền là 282.468.284đ. Như vậy, tại thời điểm năm 2014 UBND huyện T cũng xác định là đất của bà H nên mới ban hành Quyết định số 2135/QĐ-UBND.

[3] Do đó Quyết định số 240/QĐ-UBND của UBND huyện T có những vi phạm nghiêm trọng về hình thức, trình tự thủ tục và nội dung của quyết định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa. Hủy Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND huyện T.

[4] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Trần Thị H không chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 64, điểm đ khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện:

Hủy toàn bộ Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND huyện T.

3. Về án phí: UBND huyện T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013959 ngày 02/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - THA;
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Lập